

**TẬP ĐOÀN CÔNG NGHIỆP  
CAO SU VIỆT NAM**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1105/CSVN-KHĐT

TP. Hồ Chí Minh, ngày 10 tháng 4 năm 2018

V/v Công bố kế hoạch SXKD,  
đầu tư phát triển năm 2018 –  
Tập đoàn Công nghiệp cao su  
Việt Nam.

Kính gửi: Bộ Kế hoạch và Đầu tư.

Căn cứ quy định của Nghị định số 81/2015/NĐ-CP ngày 18/09/2015 của Thủ tướng Chính phủ về công bố thông tin của doanh nghiệp nhà nước, Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam xin công bố quyết định giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2018 của Tập đoàn Công nghiệp cao su Việt Nam tại quyết định số 1209/QĐ-BNN-QLDN ngày 05/04/2018 (đính kèm).

Trân trọng././

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- KSV, TGD (b/c);
- Ban: TCKT,
- VP (để công bố);
- Lưu: VT, KHĐT.

**TL. TỔNG GIÁM ĐỐC  
TRƯỞNG BAN KHĐT  
NGƯỜI ĐẠI DIỆN CÔNG BỐ  
THÔNG TIN DOANH NGHIỆP**



**Phạm Văn Thành**

**BỘ NÔNG NGHIỆP  
VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: 1209 /QĐ-BNN-QLDN

Hà Nội, ngày 05 tháng 4 năm 2018

TẬP ĐOÀN CN CAO SU VIỆT NAM	
Số: 927	.....
Ngày: 06/4/2018	.....
Chuyên: TĐ	.....
Lưu ý: <i>HTV, LS</i>	.....

**QUYẾT ĐỊNH**

V/v giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2018 của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam

**BỘ TRƯỞNG BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Nghị định số 15/2017/NĐ-CP ngày 17/02/2017 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;

Căn cứ Nghị định số 91/2015/NĐ-CP ngày 13/10/2015 của Chính phủ về đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp và quản lý sử dụng vốn, tài sản tại doanh nghiệp;

Căn cứ Nghị định số 87/2015/NĐ-CP ngày 06/10/2015 của Chính phủ về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp; giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước; Thông tư số 200/2015/TT-BTC ngày 15/12/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn một số nội dung về giám sát đầu tư vốn nhà nước vào doanh nghiệp, giám sát tài chính, đánh giá hiệu quả hoạt động và công khai thông tin tài chính của doanh nghiệp nhà nước và doanh nghiệp có vốn nhà nước;

Căn cứ Quyết định số 5457/QĐ-BNN-QLDN ngày 28/12/2016 của Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn ban hành Quy chế giám sát tài chính đối với doanh nghiệp có vốn nhà nước do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn làm đại diện chủ sở hữu;

Xét đề nghị của Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam tại Tờ trình số 140/TTr-HĐTVCsvn về việc quyết định kế hoạch năm 2018 của Tập đoàn;

Theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp,

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Giao kế hoạch sản xuất kinh doanh, đầu tư phát triển và giao chỉ tiêu đánh giá hiệu quả hoạt động doanh nghiệp năm 2018 cho Công ty mẹ - Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam như phụ lục 01, 02 kèm theo.

**Điều 2.** Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chịu trách nhiệm tổ chức thực hiện sản xuất kinh doanh, hoàn thành kế hoạch, chỉ tiêu được giao; sử dụng các nguồn lực, nguồn vốn

nhà nước giao có hiệu quả; thực hành tiết kiệm, chống lãng phí trong quản lý và điều hành hoạt động của doanh nghiệp;

Định kỳ 6 tháng và năm lập báo cáo đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch và tình hình tài chính báo cáo Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và gửi Bộ Tài chính theo quy định.

**Điều 3.** Quyết định có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

Chánh văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Quản lý doanh nghiệp, Thủ trưởng các đơn vị có liên quan thuộc Bộ; Hội đồng thành viên, Tổng Giám đốc Tập đoàn Công nghiệp Cao su Việt Nam chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

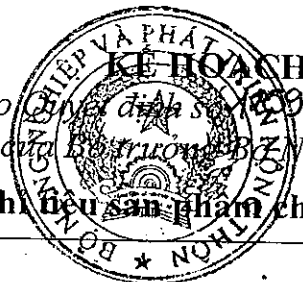
*Nơi nhận:*

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- Bộ Tài chính;
- Các Vụ: Tài chính, Kế hoạch;
- Kiểm soát viên Tập đoàn CNCS VN (để p/h);
- Lưu VT, QLDN. (10)

**KT. BỘ TRƯỞNG  
THỨ TRƯỞNG**



Hà Công Tuấn



**Phụ lục I**

**KẾ HOẠCH KINH DOANH NĂM 2018**

(Kèm theo Quyết định số 100/QĐ-BNN-QLDN ngày 05 tháng 4 năm 2018 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

**1. Các chỉ tiêu sản phẩm chủ yếu:**

TT	Sản phẩm	Đơn vị	Ước thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ KH/TH
1	Sản lượng cao su tự khai thác	Tấn	275.917	301.320	109%
2	Sản lượng cao su thu mua	Tấn	95.066	76.200	80%
3	Sản lượng cao su tiêu thụ	Tấn	343.924	390.000	113%
4	Sản lượng gỗ phôi	m3	324.502	345.317	106%
5	Sản lượng gỗ ghép tấm	m3	17.457	27.121	155%
6	Sản lượng gỗ tinh chế	m3	8.801	12.000	136%
7	Sản lượng gỗ MDF	m3	827.497	876.720	106%
8	Găng tay cao su	Triệu cái	2.008	2.300	115%
9	Băng tải cao su	m2	103.861	115.000	111%
10	Bóng các loại	1.000 cái	1.091	1.678	154%
11	Nệm, gối cao su	Cái	45.670	46.000	100%
12	Chỉ sợi cao su	Tấn	2.293	4.000	174%
13	Đất khu công nghiệp cho thuê	Ha	213	288	135%

**2. Kế hoạch sản xuất kinh doanh**

*Đơn vị tính: tỷ đồng*

	Chỉ tiêu	Tổng cộng		Theo lợi ích Tập đoàn	
		Ước thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Ước thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018
I	Doanh thu	26.974	27.794	21.163	22.025
a	Khôi công ty cao su	16.608	18.132	14.914	16.283
b	Khôi công ty chế biến gỗ	6.714	6.832	4.210	4.284
c	Khôi công ty công nghiệp cao su	1.519	1.685	783	752
d	Khôi công ty khu công nghiệp	994	1.145	513	591
đ	Khác	1.139		744	
2	Lợi nhuận trước thuế	4.978	6.200	3.983	5.067
a	Khôi công ty cao su	3.574	4.772	3.260	4.352
b	Khôi công ty chế biến gỗ	813	881	393	426
c	Khôi công ty công nghiệp cao su	(49)	27	(24)	13
d	Khôi công ty khu công nghiệp	443	520	236	277

đ	Khác	196		119	
3	Lợi nhuận sau thuế	4.112	5.516	3.385	4.508
4	Nộp ngân sách	2.432	2.500	1.701	1.750
5	Tỷ suất lợi nhuận/doanh thu (%)	15,2%	19,84%		
6	Tỷ suất lợi nhuận/Vốn CSH (%)	12,1%	13,79%		

### 3. Đầu tư phát triển

TT	Vốn đầu tư	Đơn vị	Nhu cầu vốn
1	Tổng vốn đầu tư XD CB	Tỷ đồng	6.327
a	Khối công ty cao su	Tỷ đồng	4.242
b	Khối công ty chế biến gỗ	Tỷ đồng	340
c	Khối công ty công nghiệp cao su	Tỷ đồng	303
d	Khối công ty khu công nghiệp	Tỷ đồng	1.443
2	Nguồn vốn đầu tư XD CB	Tỷ đồng	6.327
a	Vốn chủ sở hữu	Tỷ đồng	3.267
b	Vốn vay	Tỷ đồng	1.576
c	Vốn khác	Tỷ đồng	1.484



**Phụ lục II**  
**GIÁO CHỈ TRƯU ĐƠN GIÁ HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018**  
 (Kèm theo Quyết định số 122/QĐ-BNN-QLDN ngày 05 tháng 4 năm 2018  
 của Bộ trưởng Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)

Số TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Ước thực hiện năm 2017	Kế hoạch năm 2018	Tỷ lệ (%)
1	Doanh thu và thu nhập khác	Tỷ.đ	1.579	3.672	233%
2	Lợi nhuận trước thuế	“	794	2.513	317%
3	Lợi nhuận sau thuế	“	794	2.513	317%
7	Tỉ suất LN sau thuế/Vốn CSH		3,5%	6,4%	
8	Nộp ngân sách	Tỷ.đ	556	theo quy định	
9	Lao động - Tiền lương				
a	Lao động bình quân	Người	257	270	105%
	Trong đó : cán bộ Công đoàn	“	33	35	106%
b	Người quản lý doanh nghiệp	“	14	17	121%
c	Quỹ lương Người lao động	Tr.đồng	56.622	81.000	143%
d	Quỹ lương Người Quản lý DN	“	6.716	13.199	197%
đ	Tiền lương BQ người lao động	Tr.đồng/ người/ tháng	18	25	139%
e	Thu nhập BQ người lao động		20	26	130%
g	Tiền lương BQ Người quản lý DN		41	65	159%
h	Thu nhập BQ Người Quản lý DN		44	67	152%